TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/LĐ-PT
Ngày 14 - 5 - 2025
V/v tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Nguyễn Phú Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2025/TLPT-LĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do bản án lao động sơ thẩm số: 05/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lại Văn H, sinh năm 1971.

1.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Nguyệt Tuyết H1, sinh năm 1965.

3.2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Lại Văn H, là nguyên đơn trong vụ án.

(Ông H, ông T có mặt; Bà M, bà N, bà H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lại Văn H cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 01/9/2020 ông Trần Minh T, bà Nguyễn Nguyệt Tuyết H1 thuê vợ chồng ông làm việc tại Cửa hàng X tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N làm chủ. Việc thỏa thuận lao động bằng lời nói do bà H1, ông T là cô ruột và dượng của bà N, theo thỏa thuận ông H, bà M trông coi tài sản với mức lương tính chung 8.000.000 đồng/tháng, mỗi người 4.000.000 đồng/tháng và chi phí tiền điện, nước, wifi, gas, khi nào Cửa hàng hoạt động kinh doanh xăng dầu thì ông H, bà M làm công việc bán xăng dầu, hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Cùng ngày 01/9/2020 ông H, bà M bắt đầu làm việc tại Cửa hàng thì có lập biên bản bàn giao các loại máy móc, tài sản cho ông H quản lý, những người ký biên bản bàn giao tài sản có ông Trần Nhựt T1, ông Trần Văn P, hiện nay không biết địa chỉ ở đâu, thời điểm đó ông T1, ông P cũng làm công cho bà N.

Đến ngày 01/10/2020 bà H1 chỉ trả 6.000.000 đồng và nói Cửa hàng chưa hoạt động nên chỉ trả tiền công cho ông H, bà M 6.000.000 đồng/tháng, mỗi người 3.000.000 đồng/tháng cũng đồng ý, khi giao nhận tiền không có làm giấy tờ, việc trả tiền lương đến tháng 6/2021 thì ngưng, tổng cộng đã nhận chung 9 tháng tiền lương, mỗi tháng 6.000.000 đồng, với số tiền 54.000.000 đồng và trả các chi phí tiền điện, nước, wifi, gas. Do thấy lâu mà Cửa hàng chưa hoạt động nên ông H, bà M hỏi thì bà H1 yêu cầu tiếp tục trông coi Cửa hàng, khi nào kinh doanh thì cho hay.

+ Tiền công lao động từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/5/2024 là 35 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 210.000.000 đồng.

+ Tiền điện từ tháng 6/2021 đến tháng 11/2023 là 5.323.416 đồng.

+ Tiền nước từ tháng 6/2021 đến tháng 8/2023 là 1.883.605 đồng.

+ Tiền wifi từ tháng 5/2021 đến tháng 6/2023 là 4.225.000 đồng.

+ Tiền gas là 3.070.000 đồng.

Tổng cộng 224.502.021 đồng, ông H, bà M gọi điện thoại nhiều lần yêu cầu bà N, bà H1, ông T trả tiền và bàn giao lại tài sản, nhưng bà N, bà H1, ông T không thực hiện, nên từ tháng 6/2024 đi làm nơi khác, không còn giữ tài sản.

Nay ông H, bà M đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với bà N, yêu cầu bà N trả cho ông H, bà M tiền lương (tiền công lao động) còn thiếu 210.000.000 đồng và trả các chi phí phát sinh tiền điện, nước, wifi, gas trong thời gian giữ tài sản 14.502.021 đồng. Tổng cộng 224.502.021 đồng.

Ông H, bà M không có yêu cầu gì đối với bà H1, ông T, không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N trình bày:

Trước đây bà N có nhờ bà Nguyễn Nguyệt Tuyết H1 là cô ruột kêu ông H vào làm việc tại Cửa hàng X, tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Mục đích kêu ông Lại Văn H làm khi nào Cửa hàng hoạt động thì ông H phụ trách công việc bán xăng dầu, bà N chỉ thuê một mình ông H với tiền công 6.000.000 đồng/tháng và trả các chi phí tiền điện, nước, wifi, gas, việc thỏa thuận chỉ bằng lời nói, không có thuê bà Nguyễn Thị M.

Từ ngày 01/9/2020 ông H vào làm tại Cửa hàng, bà N kêu ông Trần Nhựt T1, ông Trần Văn P lập biên bản bàn giao các máy móc, tài sản cho ông H. Do việc kinh doanh không thuận lợi ông T1, ông P nghỉ làm.

Bà N trả tiền công cho ông H từ ngày 01/9/2020 đến hết tháng 6/2021 với số tiền 54.000.000 đồng, do tình hình kinh tế khó khăn Cửa hàng chưa hoạt động, từ tháng 6/2021 thời điểm bùng phát dịch Covid nên không có nhu cầu thuê người trông coi tài sản nữa, bà N thông báo cho ông H biết không thuê tiếp yêu cầu di dời đi nơi khác, nhưng ông H không chịu di dời, do dịch bệnh Cửa hàng xăng dầu bỏ trống và khi hết dịch bệnh ông H cũng không di dời, Cửa hàng xăng dầu không hoạt động, không còn tài sản quan trọng và không quan tâm đến Cửa hàng.

Bà N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông H, bà M. Bà N chỉ thuê ông H, từ tháng 6/2021 chấm dứt hợp đồng lao động với ông H và yêu cầu ông H di dời đi nơi khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T và bà Nguyễn Nguyệt Tuyết H1 trình bày:

Ông T, bà H1 không có ý kiến, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Quyết định bản án lao động sơ thẩm số: 05/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Văn H và bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Nguyệt T2 Ngân trả cho ông H, bà M tiền lương (tiền công lao động) là 210.000.000 đồng và các khoản tiền phát sinh điện, tiền nước, tiền wifi, tiền gas là 14.502.021 đồng, tổng cộng là 224.502.021 đồng.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Lại Văn H và bà Nguyễn Thị M phải liên đới chịu 435.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 363.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007907, ngày

11/10/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố Sa Đéc. Sau khi khấu trừ ông H, bà M còn phải liên đới nộp tiếp 72.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/12/2024 ông Lại Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 05/2024/LĐ-ST ngày 17/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Yêu cầu bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N trả cho ông H, bà M tiền lương (tiền công lao động) 210.000.000 đồng và các khoản chi phí phát sinh tiền điện, nước, wifi, gas 14.502.021 đồng, tổng cộng 224.502.021 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lại Văn H trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, bà N nói chấm dứt hợp đồng lao động là không đúng, không có thông báo chấm dứt hợp đồng lao động, có nhắn tin Z và điện thoại nói chuyện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm.

Ông Trần Minh T trình bày: Thống nhất theo bản án sơ thẩm, bà N gửi tin nhắn Z kêu ông H di dời đi nơi khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lại Văn H, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số: 05/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Lại Văn H nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai chỉ có ông H, ông T có mặt; Bà M, bà N, bà H1 vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lại Văn H yêu cầu bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N trả cho ông H, bà M tiền lương (tiền công lao động) 210.000.000

đồng và các khoản chi phí phát sinh tiền điện, nước, wifi, gas 14.502.021 đồng, tổng cộng 224.502.021 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông H cho rằng ngày 01/9/2020 bà H1, ông T thuê vợ chồng ông làm việc tại Cửa hàng xăng dầu H của bà N làm chủ, thỏa thuận lao động bằng lời nói, công việc trông coi tài sản, tiền lương mỗi tháng 6.000.000 đồng và chi phí tiền điện, nước, wifi, gas, hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Khi làm việc trông coi tài sản đến tháng 6/2021 nhận chung 9 tháng tiền công với số tiền 54.000.000 đồng, sau đó thì bà N không trả tiền nữa, đến tháng 6/2024 vợ chồng ông di dời đi nơi khác. Bà N cho rằng có nhờ bà H1 là cô ruột thuê ông H trông coi tài sản Cửa hàng xăng dầu H, khi Cửa hàng hoạt động ông H phụ trách bán xăng dầu, tiền công mỗi tháng 6.000.000 đồng và các chi phí tiền điện, nước, wifi, gas, việc trông coi tài sản chỉ bằng lời nói, không có thuê bà M, trả tiền công cho ông H từ ngày 01/9/2020 đến hết tháng 6/2021 với số tiền 54.000.000 đồng, do tình hình kinh tế khó khăn, thời điểm bùng phát dịch Covid, Cửa hàng xăng dầu chưa hoạt động, thông báo cho ông H biết không thuê nữa và yêu cầu di dời đi nơi khác.

Như vậy, bà N có thuê ông H trông coi tài sản, còn việc ông H cho rằng bà N thuê ông và bà M trông coi tài sản, không được bà N thừa nhận, ông H, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mà chỉ là lời trình bày.

Ông H cho rằng bà N không có thông báo chấm dứt vẫn tiếp tục trông coi tài sản đến tháng 6/2024 mới di dời đi nơi khác, ông H cũng thừa nhận thỏa thuận trông coi tài sản không lập thành văn bản, ông H không cung cấp được liệu chứng cứ chứng minh bà N không có thông báo chấm dứt trông coi tài sản. Trong khoảng thời gian trông coi tài sản không được trả tiền thì có quyền giao lại tài sản và chấp dứt hợp đồng. Theo nội dung bản án sơ thẩm số: 01/2024/LĐ-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc thể hiện: Ông H thừa nhận khoảng tháng 6/2021 bà H1 kêu ông H, bà M dọn đi nhưng do sợ mất tài sản nên tiếp tục ở lại trông giữ Cửa hàng và vì ông H, bà M có cho ông T, bà H1 vay số tiền 50.000.000 đồng chưa trả, nên phải ở lại để đòi ông T, bà H1 trả số tiền nợ vay, nếu không có số tiền vay này thì ông H, bà M đã dọn đi.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông H cho rằng trong khoảng thời gian trông coi tài sản tại Cửa hàng xăng dầu của bà N, không được trả tiền công ban ngày đi làm thuê đến tối về ngủ tại Cửa hàng xăng dầu của bà N. Điều đó cho thấy giữa ông H và bà N đã chấm dứt hợp đồng trông coi tài sản từ tháng 6/2021. Việc ông H, bà M yêu cầu bà N trả số tiền 224.502.021 đồng là không có căn cứ.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà M là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày chỉ có tin nhắn Zalo và điện thoại nói chuyện không có chứng cứ nào khác và không cung cấp thêm tài liệu, chứng

cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số: 05/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lại Văn H.

2. Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số: 05/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Văn H và bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Nguyễn Nguyệt T2 Ngân trả cho ông H, bà M tiền lương (tiền công lao động) 210.000.000 đồng và các khoản chi phí phát sinh tiền điện, nước, wifi, gas 14.502.021 đồng, tổng cộng 224.502.021 đồng.

2.2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Lại Văn H và bà Nguyễn Thị M phải liên đới chịu 435.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 363.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0007907, ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án thành số Sa Đéc. Sau khi khấu trừ ông H, bà M còn phải liên đới nộp tiếp 72.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Lại Văn H được miễn án phí lao động phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng TT, KT & THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA (Quốc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Chí Dũng